

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 110/2024/HSST

Ngày: 06-11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Hoa

Bà Trần Thị Hạnh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trịnh Quang Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tham gia phiên tòa:**
Bà Ngô Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số **95/2024/TLST-HS ngày 03/10/2024** theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số **93/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2024** đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm: 1976, tại Thanh Hóa; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; nơi cư trú: số nhà D, đường L, tổ F, khu phố D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; trình độ văn hóa: 02/12; nghề nghiệp: Không; họ và tên cha: Nguyễn Văn T1; họ và tên mẹ: Lê Thị H; họ và tên vợ: Phạm Thị Ngọc T2; bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2005 và nhỏ nhất sinh năm 2012;

Tiền sự: Không; Tiền án: 02 tiền án, ngày 10/7/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Châu Đức tuyên phạt 11 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và ngày 28/7/2021, Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tuyên phạt 16 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Nhân thân: Ngày 27/01/2010, bị Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai tuyên phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 21/02/2005, bị Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 05 năm tù về tội “Cướp tài sản”; ngày 26/9/2001, bị Tòa án huyện T, tỉnh Đồng Nai tuyên phạt 12 tháng tù về tội “Giao cấu với trẻ em”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/7/2024 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ Công an huyện C.

- Bị hại: Ông Phạm Văn B, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Phạm Thị Ngọc T2, sinh năm 1984: Địa chỉ: Khu phố D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai “Vắng mặt”.

+ Ông Nguyễn Ngọc Huy H1, sinh năm 2007; Địa chỉ: Ấp C, xã C, huyện T, tỉnh Đồng Nai;

+ Ông Vũ Hữu H2, sinh năm 1972; Địa chỉ: Khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 15/7/2024, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 60H1 – 592.29 để tìm kiếm tài sản trộm cắp, khi đi T mang theo một kìm cộng lực, một khóa 10 và một biển số giả 72B8 – 060.78. Trên đường đi, T đã dùng khóa 10 tháo biển số xe mô tô 60H1 – 592.29 ra rồi gắn biển số giả 72B8 – 060.78 vào xe và điều khiển đến khu vực ấp L, xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, T phát hiện nhà ông Phạm Văn B ở tổ F, thôn L, xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã khóa cửa ngoài, không có người trông coi. Tuyến dừng xe, lấy kìm cộng lực ra cắt ổ khóa cửa sau nhà rồi đột nhập vào trong nhà trộm cắp được hai bao tiêu, vác ra bằng cửa trước bỏ lên xe rồi tẩu thoát về thành phố L, tỉnh Đồng Nai và bán hai bao tiêu cho một người phụ nữ (không rõ họ tên, địa chỉ) được số tiền 17.700.000 đồng. Sau khi bán được hai bao tiêu T điều khiển xe đi vào một lô cao su (không nhớ vị trí) rồi dùng khóa 10 để tháo biển số giả 72B8 – 060.78 ra khỏi xe, lắp biển số thật 60H1 – 592.29 vào xe, sau đó T vứt khóa 10 cùng biển số giả 72B8 – 060.78 xuống suối rồi điều khiển xe mô tô 60H1 – 592.29 mang theo số tiền 17.700.00 đồng cùng với kìm cộng lực về nhà T ở D, đường L, tổ F, TT T, huyện T, tỉnh Đồng Nai để cất giấu.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, ông B đã trình báo sự việc lên Cơ quan Công an. Qua hình ảnh trích camera, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã triệu tập Nguyễn Văn T lên làm việc làm việc. Tại đây, T đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp của mình. Cơ Quan cảnh sát điều tra Công an huyện C đã tiến hành khám xét tại nhà của T và thu giữ:

- Tiền Việt Nam 17.700.000 đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen, biển kiểm soát 60H1-592.29, số máy E32VE723607, số khung RLCUE3710NY413395; 01 chiếc kìm cộng lực nhãn hiệu HARKCAPLIT bằng kim loại, có cán bọc vỏ nhựa màu đen, thân kìm bằng kim loại màu xanh, có điều

dài 45 cm; 01 đôi dép nam, làm bằng cao su, màu vàng nâu, nhãn hiệu XIANGYOU; 01 mũ bảo hiểm nam, phía trước có kính chắn mưa, màu xám nhãn hiệu ASIA (HELMETAC); 01 áo khoác nam, có mũ trùm đầu, màu đen, không có nhãn hiệu, có 02 sọc kẻ trắng ở tay áo và dưới viền áo; 01 quần dài thun nam, màu đen, có ba sọc kẻ trắng hai bên, nhãn hiệu ADIDAS.

Tại Biên bản kết luận định giá tài sản số 66/KL-KTHS-TL ngày 12/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện C kết luận: “Giá trị 116 kg hạt tiêu khô theo giá mua bán trên thị trường ngày 15/7/2024 là 17.980.000 đồng và giá trị 01 ổ khóa nhãn hiệu HUAN là 108.000 đồng”.

Vật chứng vụ án: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen, biển kiểm soát 60H1-592.29, số máy E32VE723607, số khung RLCUE3710NY413395 là tài sản của bà Phạm Thị Ngọc T2 (sinh năm 1984: trú tại: tổ F, khu phố D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai, là vợ của bị cáo T). Quá trình làm việc xác định việc T sử dụng xe đi thực hiện hành vi trộm cắp bà T2 không biết, không tham gia. Ngày 10/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả lại chiếc xe trên cho bà T2.

01 đôi dép nam; 01 mũ bảo hiểm nam; 01 áo khoác nam; 01 quần dài thun nam là tài sản của bị cáo Nguyễn Văn T, không liên quan đến hành vi phạm tội. Ngày 10/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả lại cho bà Phạm Thị Ngọc T2.

Số tiền 17.700.000 đồng mà bị cáo Nguyễn Văn T bán 02 bao tiêu của ông Phạm Văn B và 01 ổ khóa nhãn hiệu HUAN là tài sản của ông B. Ngày 12/9/2024, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả lại tài sản trên cho ông B.

01 chiếc kìm cộng lực nhãn hiệu HARKCAPLIT bằng kim loại, có cán bọc vỏ nhựa màu đen, thân kìm bằng kim loại màu xanh, có chiều dài 45 cm. Hiện chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện C để quản lý, chờ xử lý.

01 khóa 10 và 01 biển kiểm soát 72B8 – 060.78, quá trình điều tra Bị cáo T khai đã ném xuống suối ở đâu bị cáo T không nhớ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự: Ông B đã nhận lại số tiền do bị cáo bán tài sản trộm cắp là 17.700.000 đồng; Bị cáo đã tác động vợ là bà Phạm Thị Ngọc T2 bồi thường thêm cho ông Phạm Văn B số tiền 388.000 đồng. Ông B không yêu cầu gì thêm về phần trách nhiệm dân sự. Bà Phạm Thị Ngọc T2 không yêu cầu bị cáo T phải trả lại số tiền mà bà đã bồi thường cho bị hại.

Tại bản Cáo trạng số 103/CT-VKS-CD ngày 02/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức truy tố: Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố Nhà nước

giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm về trách nhiệm dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét về trách nhiệm dân sự.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy 01 chiếc kim cộng lực nhãn hiệu HARKCAPLIT bằng kim loại, có cán bọc vỏ nhựa màu đen, thân kim bằng kim loại màu xanh, có chiều dài 45 cm.

Sau phần luận tội của Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra trong tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo qui định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên Tòa, bị cáo, bị hại, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét thấy, tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Từ đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Vào khoảng 08 giờ ngày 15/7/2024, Nguyễn Văn T đã lén lút đột nhập vào nhà ông Phạm Văn B tại tổ F, thôn L, xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trộm cắp được 02 bao (116 kg) tiêu trị giá 17.980.000 đồng của ông Phạm Văn B và bà Nguyễn Thị T3.

Bị cáo Nguyễn Văn T đã bị áp dụng tình tiết tăng nặng là “Tái phạm” tại Bản án số 37/2021/HSST, ngày 28/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, bị cáo bị áp dụng tình tiết định khung là “Tái phạm nguy hiểm”.

Đối chiếu với điều luật do Bộ luật Hình sự quy định, Hội đồng xét xử thấy đủ căn cứ để kết luận hành vi của Nguyễn Văn T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung là “Tái phạm nguy hiểm”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất mức độ hành vi của bị cáo: Bị cáo là người có đủ khả năng nhận thức và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi của mình. Chỉ vì lười

lao động nên bị cáo đã phạm tội. Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo được thực hiện một cách cố ý trực tiếp với động cơ, mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác, đây là hành vi nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại mà nó còn gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân và ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải có một bản án thật nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội. Đây là bài học giáo dục riêng đối với bị cáo đồng thời mới đáp ứng được yêu cầu đấu tranh, giáo dục, phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự;

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo đã thật thà khai báo, thành khẩn nhận tội; bị cáo **đã tác động gia đình** bồi thường, khắc phục một phần thiệt hại cho bị hại; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; **bị cáo có hoàn cảnh khó khăn**, mẹ bị cáo già yếu thuộc hộ cận nghèo, không có người chăm sóc nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị kết án.

[5] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên miễn phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Đối với người mua 02 bao tiêu, hiện Cơ quan cảnh sát điều tra chưa xác định được họ tên, địa chỉ nên sẽ tiếp tục xác minh và xử lý sau.

[7] Về xử lý vật chứng:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen, biển kiểm soát 60H1-592.29 quá xác minh, xác định được là tài sản của bà Phạm Thị Ngọc T2. Quá trình làm việc xác định việc T sử dụng xe đi thực hiện hành vi trộm cắp bà T2 không biết, không tham gia nên ngày 10/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả lại chiếc xe trên cho bà T2 là phù hợp; 01 đôi dép nam, làm bằng cao su, 01 mũ bảo hiểm nam, 01 áo khoác nam, 01 quần dài thun nam là tài sản của bị cáo Nguyễn Văn T, không liên quan đến hành vi phạm tội nên ngày 10/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả lại cho bà Phạm Thị Ngọc T2 là phù hợp; Số tiền 17.700.000 đồng là tiền bán 02 bao tiêu của bị hại ông Phạm Văn B và 01 ổ khóa nhãn hiệu HUAN là tài sản của ông B, ngày 12/9/2024, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả lại tài sản trên cho ông B. Những vật chứng nêu trên cơ quan điều tra đã xử lý xong.

- 01 chiếc kim cộng lực nhãn hiệu HARKCAPLIT bằng kim loại, có cán bọc vỏ nhựa màu đen, thân kim bằng kim loại màu xanh, có chiều dài 45 cm là

phương tiện sử dụng trong việc phạm tội, không có giá trị sử dụng nên cần tuyên tịch thu tiêu hủy theo qui định.

- 01 khóa 10 và 01 biển kiểm soát 72B8 – 060.78, quá trình điều tra Bị can T khai đã ném xuống suối ở đâu bị can T không nhớ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C không thu giữ được nên không có cơ sở xử lý.

[8] Về trách nhiệm dân sự: **Bị hại** đã nhận lại số tiền bán tài sản trộm cắp là 17.700.000 đồng; Bị cáo đã tác động vợ là bà Phạm Thị Ngọc T2 bồi thường thêm cho bị hại số tiền 388.000 đồng. Bị hại không yêu cầu gì thêm về phần trách nhiệm dân sự, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về trách nhiệm dân sự.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm **b**, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt Nguyễn Văn T **02 (Hai) năm 06 (S)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày **16/7/2024**.

Tiếp tục tạm giam Nguyễn Văn T để bảo đảm thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc kim cộng lực nhãn hiệu HARKCAPLIT bằng kim loại, có cán bọc vỏ nhựa màu đen, thân kim bằng kim loại màu xanh, có chiều dài 45 cm.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện C với Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Đức ngày **18/10/2024**).

Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Nguyễn Văn T nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06/11/2024), bị cáo T, và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T2 có quyền kháng cáo; Đối với bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn này được tính kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Sở tư pháp tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;
- Phòng PC06, PV10 Công an tỉnh BRVT;
- VKS huyện Châu Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự H.Châu Đức;
- Công an huyện Châu Đức;
- Bị cáo, bị hại; người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương văn Tiến